

PHÂN TÍCH CÂU CÓ TÂN NGỮ CHỈ NƠI CHỖN CỦA ĐỘNG TỪ “CHI” TỪ NHIỀU GÓC ĐỘ

TRỊNH THỊ VĨNH HẠNH*

Trong tiếng Hán hiện đại, kết cấu động tân luôn là đề tài được nhiều nhà nghiên cứu ngữ pháp quan tâm. Chúng ta thường gặp những cấu trúc như: “chi fàn”, “chī miàntiáo”, “chi mántou”, “dú kèwén”..., trong đó các tân ngữ “fàn”, “miàntiáo”, “mántou”, “kèwén” đều là các tân ngữ điển hình. Bài viết này chủ yếu bàn về các cấu trúc “chi shítáng”, “chi guanzi”, “dú dàxué” (dưới đây gọi chung là câu có tân ngữ chỉ nơi chốn của động từ “chi”), trong đó “shítáng”, “guanzi”, “dàxué” đều là các tân ngữ không điển hình của động từ “chi”. Bài viết này sẽ trả lời câu hỏi: Tại sao các động từ có tính cập vật cao như “chi”, “dú” lại lần lượt có thể kết hợp với các danh từ chỉ nơi chốn địa điểm như “shítáng”, “dàxué”? Trong quá trình phân tích cấu trúc động tân “chi shítáng” trên ba phương diện cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng, cũng như sự ảnh hưởng chi phối giữa hai đối tượng là động từ “chi” và tân ngữ “shítáng”, người viết nhận thấy:

1. Về ý nghĩa, trong cấu trúc “chi shítáng”, tính cập vật và tính chất hành động của động từ “chi” yếu dần. Động từ “chi” không biểu thị hành động cụ thể, thay vào đó là hành động trừu tượng. Cấu trúc “chi shítáng” không chỉ trả lời câu hỏi “Ăn ở đâu?” mà còn là “Ăn như thế nào?”. Tân ngữ “shítáng” không chỉ biểu thị nơi chốn “nhà ăn”, mà còn khiến ta liên tưởng tới cơm canh và các món ăn ở nhà ăn. Như vậy, danh từ chỉ nơi chốn “shítáng” khi đứng ở vị trí của tân ngữ không đơn thuần biểu thị nơi chốn mà còn bao hàm ý nghĩa rộng hơn. Động từ có tính cập vật cao như “chi” và danh từ chỉ nơi chốn “shítáng” kết hợp được với nhau là do có mối liên hệ dựa trên sự hoàn chỉnh về khái niệm.

2. Về cú pháp, các trợ từ biểu thị thời thái như “le” “zhe” “guo” không xuất hiện sau động từ “chi”. Trước tân ngữ “shítáng” không dùng từ chỉ số lượng. Câu có tân ngữ chỉ nơi chốn của động từ “chi” không thể chuyển hoá nghĩa thành “bei” và “ba”.

3. “Ngắn gọn, kinh tế” đó là tính chất ngữ dụng của câu có tân ngữ chỉ nơi chốn của động từ “chi”.

Tác giả bài viết hi vọng sẽ tạo điều kiện cho người dạy và học tiếng Hán hiểu rõ hơn một số cơ sở lý luận của ngữ pháp tiếng Hán, từ đó hiểu rõ hơn tính phức tạp của tân ngữ chỉ nơi chốn, nắm vững cơ chế ảnh hưởng nội tại của động từ “chi” và tân ngữ chỉ nơi chốn để vận dụng chính xác và linh hoạt loại câu này.

* ThS., Khoa tiếng Trung, Trường Đại học Hà Nội

“吃”类动词处所宾语句的多角度分析

一、引言

1. 研究意义

宾语一直是现代汉语研究的一项重要内容。我们常听到“吃饭”、“吃面条”“教汉语”、“读课文”等结构。这些结构中的宾语都比较普遍，都是典型宾语。本文主要谈“吃食堂”、“吃馆子”、“教大学”等这些比较罕见的结构（下面统称为“吃”类动词处所宾语句）。这些结构中的宾语都是“吃、教”等动词的非典型处所宾语。

从理论方法来说，在结构式中确定受事宾语必定涉及到语法研究中的形式和意义，动态和静态的关系等问题。

从实用方面看，“吃”类动词处所宾语研究不仅会揭示一些语言的普遍规律，也将挖掘到汉语中一些特有的语法现象，而这将给对外汉语教学提供坚实的理论基础。从而使学习汉语的人深刻认识处所宾语的复杂性，了解“吃”类动词处所宾语的内在制约机制，把握汉语处所宾语句的独特之处。

2. 研究范围

“吃”的宾语主要有三类：

A类：吃饭，吃面条儿，吃饺子

B类：吃大碗

C类：吃食堂，吃管子

本章的研究对象是“吃”类动词处所宾语句中位于动词“吃”后面作处所宾语的名词性成分，即C类这个宾语。据我们观察，动词与受事性的获得有关，因此在研究受事性处所宾语的同时还必须研究宾语前面的动词。

3. 研究方法

为了更好地揭示语法现象的本质特征及形式动因，本章运用分析法、变换法及先进而科学的认知理论方法。我们对各种理论方法是兼收并蓄的，基本上是在兼顾语法研究三个平面的前提下，较多地借鉴和运用了认知语言学的一些理论方法，侧重于探讨句法、语义和语用是怎样互相联系、互相制约的。

4. 语料来源

本文的主要语料来源于“人民日报”及口语当中，为了论述的方便，本文的

定义所涉及基本上限定在当代口语语体当中。

二、“吃”类动词处所宾语句三角度分析

1. “吃”类动词处所宾语句的语义特征

“吃”类动词宾语句的语义特征可以从中断动词和后段宾语两个方面来考察，而动词的语义特征又直接影响该类句子的构式。

我们先看动词“吃”的语义特征。“吃”类动词孤立地看是及物的动作性动词，但在“吃食堂”这个构式中“吃”不表示具体的动作而表示抽象的类动作，这说明这类动词在这个构式中的及物性和动作性都有所减弱。这类句子的构式不仅表示“在哪儿做什么”还含有一定的方式义，即“怎样做”。我们可以把“吃食堂”、“吃馆子”看作“吃饭”的一种方式，而不把“食堂”看作仅仅表示处所的宾语。尽管“吃食堂”有“在食堂吃饭”的意思，但把“食堂”的饭端回宿舍“吃”也叫“吃食堂”。

再看“食堂”后段宾语的语义特征。有学者认为，“吃食堂”就是“吃食堂的饭菜”的意思，即“吃食堂”中“食堂”的语义角色为受事。而以“食堂”转指“食堂的饭”则是转喻的认知机制起作用的结果。我们不完全同意上述观点，与其把“食堂”理解为“食堂的饭菜”不如认为“吃食堂”可以成立是因为它隐含着“吃食堂的饭菜”的意思。也就是说，“食堂”处所成分宾语的语义基础之一是转喻的认知机制，即“容器——容纳物”图式。当处所成分宾语化之后，容器对容纳物的指代只是隐含的，这也是该类宾语受事性较弱的原因之一，如果“吃食堂”就是“吃食堂的饭菜”的意思，那么“食堂”应该有较强的受事性。但事实并非如此。

“吃”类动词的宾语具有受事性，这是很多学者都胜任的，但我们还必须看到，这类宾语的受事性是很弱的。充当典型受事宾语的名词所表示的事物都是很具体的，因此可以受数量词语的修饰，如“吃一碗饭”、“喝两杯水”、“读一本书”，而“吃食堂”的“食堂”这类宾语的名词所表示的事物具有泛指性，并非具指某一特定的处所，所以，一般不受数量词语的修饰。比如没有一定的语境我们一般不说“吃两个食堂”、“吃一个馆子”、“读一所大学”。这说明“吃”类动词的宾语受事性较弱。

为什么具有及物性强的“吃”类动词可以和表示处所的名词相结合构成述宾结构并在组合中宾语获得了一定的受事性？从宾语的角度看，这和转喻的认知机制有关，而从组合的角度看，又和联想的认知机制有关，动词和宾语的搭配在联想的基础上通过概念整合成为可能。不同的概念之间在某些方面具有关联性，语

言使用者可以通过概念之间的这种关联性将其整合起来，形成新的意象。比如说“野马”，人们会想到一种动物，不是家养的，性子很烈，奔跑的速度很快等，而说道“汽车”，人们会想到这是一种交通工具，会想到它的造型、颜色、发动机性能、行驶速度、轮胎等等。而如果用“野马”做“汽车”的商标，人们就会在“野马”的奔跑速度和“汽车”的行驶速度上建立关联性，而忽略了其他特点，只在“速度快”这一点上将两个概念整合在一起形成“速度如野马一样快”的一个新的意象。以这样的方法对“吃食堂”进行分析时会发现，说到“吃”，人们会想到吃的对象，“吃”的工具等，但其常规联想一般是饭菜之类的食物。说到“食堂”，人们会想到一幢楼或一处房子，里面有桌子、凳子，有工作人员，但首先想到的还是供应饭菜的地方。那么，“吃饭菜”和“供应饭菜的食堂”建立起关联性，并经过概念整合而搭配在一起，其他属性则被忽视。这也容易理解，在“吃+N”（N是名词的简称）结构中，N如果是“办公室”、“公园”、“宿舍”就不能成立，因为“吃”和“办公室”、“公园”、“宿舍”之间没有共同的典型属性，没有关联性，因此不可能引起人们的整合联想。

2. “吃”类动词处所宾语句的句法表现

2.1. “吃食堂”的“吃”前边不能跟描摹性状语共现，后边也不能带时体助词“了”“着”“过”

“吃”本来是及物性强的动作动词，但在“吃食堂”中“吃”不表示具体的动作，其具体动作义就减弱，代之而来的是抽象的类动作，动作的时间性不强，因此“吃食堂”前面不能跟描摹性状语结合，后面也不能带表示时体的成分“了、着、过”。因此我们不能说：

- *他很慢地吃食堂。
- *我们今天吃着/过食堂。
- *他紧张地读补习班。
- *他读了补习班。
- *我们慢慢儿地教大学。

2.2. “吃食堂”的处所宾语“食堂”前边不能带数量词语

我们在前面已经提到“食堂”这类处所宾语不是指某一具体动作行为的具体处所（还隐含着“食堂的饭菜”的意思），而具有泛指性，其受事性比较弱，因此“食堂”前面不能带数量词修饰。我们不能说：

- *我们今天吃两个食堂。
- ? 他读一个补习班。
- *我们读两个小学。

2.3. “吃”类动词处所宾语句一般不能变换成“把”字句和“被”字句

这一点又跟动词的及物性弱和宾语的受事性弱有密切关系。“把”字句和“被”字句的动词一般都是及物性强的动词，宾语是谓语动词的受事者，整个格式有处置的意思，而上文已分析“吃食堂”的“吃”具有及物性弱的，“食堂”有弱受事性，因此“吃”类动词处所宾语句不能变换成“把”字句和“被”字句。

我今天吃食堂	*我今天把食堂吃了。
	*食堂被我吃了。
我读补习班。	*我把补习班读了。
	*补习班被我读了。

3. “吃”类动词处所宾语句的语用功能

“吃”类动词宾语句中的处所成分可以在介词的引导下做状语，如：

吃食堂	—————	在食堂吃饭
读补习班	—————	在补习班读书
教大学	—————	在大学教书

可是使用变换式后，动词的意义和宾语的意义都有变化，在“在食堂吃饭”和“在补习班读书”的“食堂”和“补习班”都是具体的处所宾语，但在“吃食堂”和“读补习班”的“食堂”和“补习班”都比较抽象，这些宾语固然包含着“在食堂吃饭”和“在补习班读书”的意思，但把食堂的饭菜带回家吃也是“吃食堂”。这样，“在食堂吃饭”我们可以用“吃食堂”来代替，可是不能说“吃食堂”等于“吃食堂的饭菜”，而最好把“吃食堂”看作隐含了“吃食堂的饭菜”的意思。这样，在内容上“吃食堂”明明比“在食堂吃饭”广得多，在表达上前者明明简洁得多，经济得多。事实上，追求表达上的简洁、经济也是“吃”类动词宾语句的语用功能，也符合于现代语言的发展规律。

三、结论

1. 从语义特征来讲，“吃”类动词处所宾语句的动词表示抽象的类动作，其及物性和动作性都有所减弱。“吃”类动词处所宾语句的宾语有泛指性，其受事性较弱，“食堂”处所成分宾语的语义基础之一是转喻的认知机制，即“容器——容纳物”图式。及物性强的动词“吃”能带处所性名词“食堂”作宾语是通过概念整合的机制的。

2. 从句法方面看,“吃食堂”的“吃”前边不能跟描摹性状语共现,后边也不能带时体助词“了”“着”“过”。“吃食堂”的“食堂”处所宾语前边不能带数量词语。“吃”类动词宾语句一般不能变换成“把”字句和“被”字句。

3. 简洁、经济是“吃”类动词宾语句的语用功能。

参考资料

1. 陈昌来《工具主语和工具宾语异议》,《世界汉语教学》,2001
2. 方梅《宾语与动量词语的顺序问题》《中国语文》第一期,1993
3. 吕叔湘《汉语语法分析问题》,《吕叔湘文集》,商务印书馆,1979
4. 马庆祝《名词性宾语的类别》,《汉语学习》第二期,1987
5. 沈家煊《转指和转喻》,首届汉语语言学国际学术讨论会,1988
6. 孙德金等《现代汉语动词大辞典》,北京语言学院出版社,1994
7. 朱德熙《语法讲义》,商务印刷术,1982
8. 朱德熙《变换分析中的平行性原则》,《中国语文》第二期,1986